TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12/6/2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Nguyên.

Ông Hoàng Quang Vinh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lô Thị A, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

2. Bị đơn: Anh Nông Văn B, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lô Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn B kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyên, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 11 tháng 7 năm 2005. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B chơi bời, nghiện ma tuý không tu chí làm ăn, chị đã khuyên bảo anh B nhiều lần, nhưng anh B không nghe, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị và

anh B sống ly thân từ cuối năm 2012 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung, cháu tên là Nông Anh G, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2005. Chị A yêu cầu được nuôi con và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B cố tình vắng mặt không có lý do nên Toà án không lấy được bản khai của anh B, Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh B không có mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Toà án đã xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và đã lấy lời khai của bà Lăng Thị I là mẹ đẻ của anh B, để xác định nơi cư trú của anh B; xác định về mâu thuẫn vợ chồng của chị A anh B và việc tống đạt hợp lệ các văn bản Tố tụng cho anh B.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lô Thị A, xử cho chị Lô Thị A ly hôn với anh Nông Văn B và chị Lô Thị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Anh G đến khi đủ 18 tuổi và tại phiên toà chị Lô Thị A đã rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, nên cần chấp nhận.

Chị Lô Thị A giao nộp chứng cứ cho Toà án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy tờ tuỳ thân; giấy khai sinh của cháu Nông Anh B và bảng lương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nông Văn B vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Do vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị A và anh Nông Văn B kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh B nghiện ma tuý không tu chí làm ăn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc này đã đươc chị A, xác nhận và thể hiện rõ trong các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Mặt khác chị và anh B đã sống ly thân từ cuối năm 2012, anh B không còn quan tâm chăm sóc chị và gia đình, vì thế chị A yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lô Thị A và anh Nông Văn B có 01 con chung là cháu Nông Anh G, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, anh B là người nghiện ma tuý, sống buông thả, không lo toan gia đình chăm sóc con chung, nên việc giao cháu Nông Anh G cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục

là có căn cứ. Tại phiên toà chị Lô Thị A đã rút yêu cầu không yêu cầu anh B phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị Lô Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a, d Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lô Thị A. Xử cho chị Lô Thị A ly hôn với anh Nông Văn B.

2- Về con chung: Chị Lô Thị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Anh G, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2005 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung: Không có.

4- Về án phí: Chị Lô Thị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Lô Thị A đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04800 ngày 07/3/2018.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- CCTHADS huyện Chi Lăng;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Thị Hương Giang